TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HS- ST
Ngày: 04/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Nhân Trác.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải;
Bà Nguyễn Thị Hồng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 01/2023/TB-TA ngày 27 tháng 4 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Văn T, sinh năm 1987. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Trịnh Hoài Â và bà Nguyễn Thị Nh. Có vợ là Lê Thị Anh và 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Phạm Hữu Đ, sinh năm 1979. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Phạm Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ. Có vợ là Trần Thị Quỳ và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 65 ngày 17/12/2015, Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ

xử phạt Đức 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án về tội Đánh bạc.

Bản án số 87 ngày 12/3/2018, Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà nội sửa bản án hình sự sơ thẩm số 65 ngày 17/12/2015 của Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ. Miễn trách nhiện hình sự đối với Phạm Hữu Đ về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Trịnh Văn Q, sinh năm 1996. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Trịnh Văn P và bà Đào Thị N

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Vũ Văn B, sinh năm 1980. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Vũ Ngọc L và bà Đỗ Thị N. Có vợ là Phạm Thị Huyền và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2008.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Nguyễn Văn L, sinh năm 1986. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn Q và bà Lương Thị N. Có vợ là Lê Thị N và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/5/2018, Công an huyện Tứ Kỳ xử phạt vi phạm hành chính số 134, phạt Luân 750.000đ về hành vi đánh nhau. Đã nộp phạt ngày 18/5/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Nguyễn Văn C, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn V và bà Trịnh Thị H. Có vợ là Nguyễn Thị Hoa l và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 18/6/2021, Công an xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ xử phạt vi phạm hành chính số 01, phạt Luân 1.000.000đ về hành vi đánh bạc. Đã nộp phạt ngày 24/6/2021.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7**. Lương Quang D**, sinh năm 1982. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 5/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Lương Xuân X và bà Nguyễn Thị D. Có vợ là Chu Thị Kim H và 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 65 ngày 17/12/2015, Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ xử phạt Duyên 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

Bản án số 87 ngày 12/3/2018, Toà án nhân dân Cấp cao tại Hà nội sửa bản án hình sự sư thẩm số 65 ngày 17/12/2015 của Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ huyện Tứ Kỳ. Miễn trách nhiệm hình sự đối với Lương Quang D về tội Đánh bạc.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Đỗ An T, sinh năm 1989. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Đỗ Văn X và bà Lê Thị H. Có vợ là Lê Thị Q và 01 con, sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 13 ngày 15/02/2012, Toà án nhân dân TP Hải Dương xử phạt 08 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", thời hạn tù tính từ ngày 25/11/2011. Chấp hành xong ngày 25/7/2012.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

9. Lê Văn T, sinh năm 1974. Tên gọi khác: Không; Trú tại: Thôn Hàm H, xã Cộng L, huyện Tứ K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Lê Đình P (đã chết) và bà Hà Thị Th(đã chết).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Bà Nguyễn Thị Liên - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Văn B, Nguyễn Văn C, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ An T, Lương Quang D và Lê Văn T quen biết nhau từ trước. Khoảng 13 giờ ngày 11/12/2022, Toàn ở nhà thì Trịnh Văn Q, Vũ Văn B, Nguyễn Văn L và Nguyễn Hữu Đức đến chơi. Quá trình ngồi uống nước có người rủ đánh bạc (không xác định được ai rủ). Luân lấy điện thoại gọi cho anh Phạm Văn Thiêm (là người bán hàng tạp hoá) rồi đưa điện thoại cho Toàn nói chuyện với anh Thiêm để mua nước và 01 bộ bài tú lơ khơ. Khi anh Thiêm mang nước và bộ bài đến thì Bảo trả cho anh Thiêm 90.000đ. Sau đó, Quang, Bảo, Luân, Đức ngồi quây tròn tại bàn uống nước ở phòng khách nhà Toàn để đánh bạc, hình thức đánh "Liêng". Những người đánh bạc thống nhất với nhau nếu người nào có "Sáp" thì sẽ cho chủ nhà 50.000đ, có "Liêng đồng hoa" sẽ cho chủ nhà 20.000đ. Khi các đối tượng đánh bạc Toàn ngồi xem và biết các đối tượng thống nhất cho mình tiền như trên. Xem đánh bạc được khoảng 05 phút, Toàn ra gốc vải cạnh cửa sổ gian phòng khách ngồi xem. Các đối tượng đánh bạc khoảng 30 phút thì Cương đến tham gia, 30 phút sau Bảo đứng dậy về; Lương Quang D, Trịnh Văn T, Đỗ An T đến tham gia, lúc sau Bảo quay lại xem đánh bạc.

Hình thức đánh "Liêng" cụ thể như sau: Trước mỗi ván, mỗi người chơi đặt 20.000đ tiền "trống cửa". Người chơi dùng bộ bài chia cho mỗi người chơi 03 quân bài, người chia bài được "tố" trước, thứ tự lần lượt ngược theo chiều kim đồng hồ, người tiếp theo có quyền "cân" (chấp nhận số tiền người tố trước đưa ra) hoặc "tố" thêm (đặt tiền cao hơn người tố trước) cho đến khi không còn ai "tố" thì những người "cân" mở bài tính thắng thua. Mức tiền "tố" không quá 100.000đ. Cách tính điểm: Lớn nhất là 03 quân bài cùng thứ tự (gọi là sáp), thứ hai là 03 quân bài liên tiếp nhau (gọi là liêng), thứ 3 là 03 quân bài có hình người (gọi là ảnh), cuối cùng là so điểm, Át là 1 điểm và theo thứ tự điểm của các quân 2, 3… đến quân 9 tương đương là 9 điểm; quân 10, J, Q, K không tính điểm mà chỉ tính "chất". Khi so điểm người nào nhiều điểm hơn thì thắng tất cả những người tham gia chơi. Những người chơi quy định, người nào có "sáp" thì mỗi người chơi trả cho người thắng 100.000đ, người nào có "liêng" thì mỗi người chơi trả cho người thắng là 50.000đ. Nếu không có sáp, liêng, ảnh thì cộng điểm, ai có điểm lớn hơn thì thắng. Người thắng được toàn bộ số tiền "trống cửa" và tiền của những người "tố" trong ván.

Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị lực lượng Công an huyện Tứ Kỳ kiểm tra phát hiện bắt quả tang, lập biên bản, thu giữ vật chứng gồm 01 bộ bài tú lơ khơ và số tiền các bị cáo dùng đánh bạc. Khi thấy lực lượng công an, Duyên, Cương, Luân bỏ chạy, ngày 15/12/2022, Duyên, Cương, Luân đến cơ quan Công an huyện theo giấy triệu tập và giao nộp 300.000đ; trong đó Duyên giao nộp 170.000đ, Cương giao nộp 70.000đ, Luân giao nộp 60.000đ và 01 điện thoại Iphone Xs Max có số sim 0935.867.333.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và khai số tiền sử dụng vào việc đánh bạc như sau: Quang có 1.900.000đ, Quang cho Đức vay 1.000.000đ để đánh bạc nên còn 900.000đ, khi phát hiện Quang thắng nên có 1.260.000đ. Đức có 80.000đ, vay Quang 1.000.000đ nên có 1.080.000đ sử dụng đánh bạc. Khi phát hiện Đức thắng nên có 2.590.000đ. Luân có 140.000đ sử dụng đánh bạc, khi phát hiện Luân thua nên còn 60.000đ. Cương có 150.000đ sử dụng đánh bạc, khi phát hiện Cương thua nên còn 70.000đ. Duyên thắng nên có 170.000đ, Tân có 3.220.000đ sử dụng đánh bạc. Tiêm có 210.000đ, khi phát hiện Tiêm thua nên còn 190.000đ. Bảo có 200.000đ, khi phát hiện, Bảo đang thắng nên có 270.000đ.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS, ngày 07/4/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ truy tố các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn C, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ An T, Lương Quang D và Lê Văn T ra trước tòa để xét xử về tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, VKSND huyện Tứ Kỳ giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo; khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Toàn, Đức; Điều 65 BLHS đối với bị cáo Tân, Đức, Quang, Bảo, Cương; Điều 36 BLHS đối với bị cáo Luân, Toàn; Điều 35 BLHS đối với bị cáo Duyên, Tiêm.

Xử phạt bị cáo Tân từ 10 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Đức từ 09 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 22 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Quang từ 09 đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 22 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Bảo từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Cương từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 20 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho UBND xã Cộng Lạc nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Luân từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ 10 đến 15 % thu nhập.

Xử phạt bị cáo Toàn từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập.

Xử phạt bị cáo Duyên từ 30 đến 40 triệu đồng.

Xử phạt bị cáo Tiêm từ 30 đến 40 triệu đồng.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 BLHS; Phạt bổ sung các bị cáo Tân, Đức, Bảo, Luân, Quang, Cương mỗi bị cáo từ 10 triệu đến 15 triệu đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Tịch thu nộp vào nhân sách Nhà nước số tiền 7.940.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự và hình phạt bổ sung cho bị cáo Toàn.

Các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, công nhận quyết định truy tố của VKSND huyện Tứ Kỳ là đúng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt thấp nhất.

Người bào chữa cho bị cáo Toàn đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ, xét xử bị cáo Toàn mức án thấp nhất và bị cáo là người khuyết tật nặng nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo Toàn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản làm việc, vật chứng thu giữ, và các tài liệu khác có trong hồ sơ; HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 11/12/2022, tại nhà ở của mình, Lê Văn T đã dùng nhà của mình cho Vũ Văn B, Nguyễn Văn C, Lương Quang D, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ An T đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh "Liêng" và có nhận tiền của những người chơi, đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ vật chứng và số tiền các bị cáo dùng đánh bạc.

[3] Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn C, Lương Quang D, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ An T đều là người trực tiếp đánh bạc, số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 7.940.000 đồng đã cấu thành tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS. Bị cáo Lê Văn T là chủ nhà, đã dùng nhà cho các đối tượng đánh bạc, và được các đối tượng cho tiền trong quá trình đánh bạc. Tuy nhiên, hành vi Gá bạc của Toàn chưa đủ quy mô và số lượng nên Toàn đồng phạm tội đánh bạc. VKSND huyện Tứ Kỳ truy tố các bị cáo ra trước tòa để xét xử về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Do vậy, HĐXX cần xem xét xử lý nghiêm, theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ. Trong khi mọi người đang ngồi chơi tại nhà Toàn thì có người rủ đánh bạc, các con bạc hưởng ứng. Các bị cáo đều là người thực hành, khi tham gia đánh bạc: Quang có 1.900.000đ, cho Đức vay 1.000.000đ để đánh bạc nên còn 900.000đ; khi phát hiện Quang thắng nên có 1.260.000đ. Đức có 80.000đ, vay Quang 1.000.000đ nên có 1.080.000đ sử dụng đánh bạc; khi phát hiện Đức thắng nên có 2.590.000đ. Luân có 140.000đ sử dụng đánh bạc, khi phát hiện Luân thua nên còn 60.000đ. Cương có 150.000đ sử dụng đánh bạc, khi phát hiện Cương thua nên còn 70.000đ. Duyên có 150.000 sử dụng đánh bạc, khi phát hiện Duyên thắng nên có 170.000đ. Tân có 3.220.000đ sử dụng đánh bạc. Tiêm có 210.000đ, khi phát hiện Tiêm thua nên còn 190.000đ; Bảo có 200.000đ, khi phát hiện Bảo đang thắng nên có 270.000đ. Tổng số tiền các bị cáo khai nhận

sử dụng vào việc đánh bạc là 7.940.000 đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung đối với số tiền trên.

[6] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn T và các bị cáo đánh bạc không có sự bàn bạc, chuẩn bị trước; Các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo Toàn là người bị khuyết tật nặng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Đức, Toàn có bố được tặng thưởng Huân chương kháng chiến là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[7] Xét thấy bị cáo Duyên, Đức bị xét xử nhưng được miễn hình phạt; bị cáo Tiêm bị xét xử nhưng đã chấp hành xong, được coi là chưa có án tích; bị cáo Luân, Cương bị xử phạt hành chính nhưng đã chấp hành xong, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Các bị cáo Vũ Văn B, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T, Lê Văn T đều có nhân thân tốt, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Vì vậy, HĐXX có thể không buộc cách ly khỏi xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương. Đối với bị cáo Duyên, Tiêm áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài việc áp dụng hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Duyên, Tiêm hình phạt chính là phạt tiền; bị cáo Toàn là người khuyết tật nặng nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[9] Về xử lý vật chứng: Số tiền 7.940.000 đồng cần tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước; 01 bộ bài tú lơ khơ cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại Iphone Xs Max có số sim 0935.867.333, Luân tự nguyện giao nộp. Đây là phương tiện bị cáo liên lạc mua bài làm công cụ phạm tội cần tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước, 01 sim trong điện thoại cần tịch thu cho tiêu huỷ.

[10] *Về án phí*: Các bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 BLHS đối với các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn C, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ An T, Lương Quang D, Lê Văn T; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Toàn; khoản 2 điều 51 đối với bị cáo Đức.

Điều 65 BLHS đối với bị cáo Trịnh Văn T, Phạm Hữu Đ, Trịnh Văn Q, Vũ Văn B, Nguyễn Văn C;

Điều 36 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T;

Điều 35 BLHS đối với các bị cáo Đỗ An T, Lương Quang D;

Tuyên bố các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn C, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ An T, Lương Quang D, Lê Văn T phạm tội *"Đánh bạc"*.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn T 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Phạm Hữu Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn Q 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn B 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Trịnh Văn T, Phạm Hữu Đ, Trịnh Văn Q, Vũ Văn B, Nguyễn Văn C cho UBND xã Cộng Lạc nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự· Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày UBND xã Cộng Lạc nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ 15% thu nhập hàng tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt kể từ ngày UBND xã Cộng Lạc nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn L, Lê Văn T cho UBND xã Cộng Lạc giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã Cộng Lạc trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang Duyên 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Xử phạt bị cáo Đỗ An T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước. Bị cáo phải nộp tiền phạt một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn C, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T. Phạt mỗi bị cáo 10 triệu đồng sung quỹ Nhà nước. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Văn T.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS; khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 7.940.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ. 01 sim điện thoại số 0935.867.333. Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone Xs Max của Nguyễn Văn L.*(Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tình trạng, đặc điểm theo biên bản giao nhận ngày 25/4/2023, giữa Công an huyện Tứ Kỳ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ*).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án. Các bị cáo Vũ Văn B, Nguyễn Văn C, Phạm Hữu Đ, Nguyễn Văn L, Trịnh Văn Q, Trịnh Văn T, Đỗ An T, Lương Quang D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan THA hình sự huyện Tứ Kỳ
- Bộ phận HS nghiệp vụ CA huyện Tứ Kỳ;
- Cơ quan CSĐT- Công an huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đàm Nhân Trác